

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 53/2021/HS-ST

Ngày 10 - 9 - 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

*Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hoàng Thị Thu Hiền, bà Vũ Thị Nga và bà Vũ Thị Lan Anh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Thư ký TAND tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:**

Ông Lê Bình Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2021 đối với:

Bị cáo **Phạm Văn C** sinh ngày 03/7/1990 tại Thái Bình; nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Phạm Văn C1 (sinh năm 1967, đã chết) và bà Đặng Thị H (sinh năm 1964, đã chết); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 29/4/2008, Tòa án nhân dân quận H1, Thành phố Hà Nội xử phạt 04 tháng 04 ngày tù về tội Cướp giật tài sản, đã chấp hành xong bản án; tháng 9/2012 đi nghĩa vụ quân sự tại Đội 3 đặc công nước Lữ đoàn đặc công 126 Quân chủng Hải quân, tháng 7/2014 xuất ngũ về địa phương; Bị cáo được áp dụng biện pháp Bảo lãnh (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Phạm Hữu L** – Văn phòng Luật sư Phạm Hữu L và cộng sự, Đoàn luật sư tỉnh Thái Bình; địa chỉ: Số 371, đường Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

**\* Bị hại:** Chị **Vũ Thị T3**, sinh năm 1989 (chết ngày 25/02/2021)

Nơi ĐKKH: tổ dân phố Đ1, thị trấn K, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

*Người đại diện hợp pháp của chị T3 đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án:*

- Bà Trần Thị T4, sinh năm 1967 (là mẹ đẻ chị T3, có mặt)

- Ông Vũ Văn T5, sinh năm 1962 (là bố đẻ chị T3, vắng mặt).

Đều có địa chỉ tại: Khu N1, xã S, huyện S1, tỉnh KonTum.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông T5:* bà Trần Thị T4, sinh năm 1967, địa chỉ: Khu N1, xã S, huyện S1, tỉnh KonTum.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà T4:* chị Nguyễn Thị T6, sinh năm 1993, địa chỉ: tổ dân phố Q, thị trấn K, huyện K, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

- Anh Đặng Văn K1, sinh năm 1983 (là chồng của chị T3).

Địa chỉ: thôn Phú Ân, xã Lê Lợi, huyện K, tỉnh Thái Bình.

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Ông Nguyễn Văn H2 sinh năm 1975, địa chỉ: số 146, đường N2, phường N2, quận L2, Thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Chị Vũ Thị T3 và anh Đặng Văn K1 sau khi kết hôn đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2019, chị T3 và anh K1 sống ly thân, chị T3 về sinh sống tại căn nhà cũ của bố mẹ đẻ ở khu Đồng Tiến, thị trấn K, huyện K, tỉnh Thái Bình. Trong thời gian vợ chồng ly thân, chị T3 và bị cáo Phạm Văn C có quan hệ tình cảm yêu đương. Cuối năm 2019, bị cáo C sống cùng chị T3 tại nhà của bố mẹ chị T3 ở khu Đồng Tiến, thị trấn K, huyện K nhưng đến cuối năm 2020 chị T3 và C chấm dứt quan hệ yêu đương, C về ở cùng bà nội tại xã T, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Tết Nguyên đán năm 2021, chị T3 vào tỉnh Kon Tum đón tết cùng bố mẹ đẻ, đến ngày 20/02/2021 thì quay về Thái Bình.

Sáng ngày 25/02/2021, C đến nhà chị T3 và nghe có tiếng người đàn ông ở trong nhà, bị cáo C muốn vào trong nhà nhưng chị T3 không cho vào nên đi về. Khoảng 18 giờ cùng ngày, bị cáo C nhận được tin nhắn của chị T3 bảo sang thu dọn đồ đạc mang về. Khoảng 19 giờ 15 phút, bị cáo C đi xe máy đến nhà chị T3, gặp chị T3 và chị Phạm Thị L3 sinh năm 1980, trú tại thôn Đ2, xã T7, huyện K, tỉnh Thái Bình là bạn của chị T3 đang ngồi chơi. Khi bị cáo C vào trong nhà, chị T3 nói “*anh dọn đồ của anh mang về đi*”, bị cáo C nói “*mày không phải đuổi*”. Chị T3 không nói gì và nhờ chị L3 lấy con dao bầu mà bị cáo C mua từ giữa năm 2020 mang đến để sử dụng phục vụ sinh hoạt để đưa cho bị cáo mang về. Chị L3 đã làm theo lời chị T3, lấy con dao đã được cuốn trong giấy báo, đựng trong túi nilon trên chiếc kệ gỗ đặt lên bàn. Chị T3 nhắc lại lần nữa “*anh xem đồ đạc của anh như thế nào thì thu về đi, cả con dao của anh cầm về đi*”, bị cáo C nói “*mày không phải đuổi tao*” thì chị T3 lại nói tiếp “*mày thu đồ đạc của mày về đi*”, bị cáo C nói “*mày không phải đuổi*”. Thấy vậy, chị L3 đứng dậy lấy xe máy đi về còn chị T3 đi vào

bàn ăn cách bàn uống nước khoảng 03 mét, ngồi ở chiếc ghế thứ hai tính từ cửa vào trong, dựa lưng vào tường ngồi ăn cơm. Bị cáo C đi theo chị T3 và ngồi ở ghế đối diện với chị T3, thuyết phục chị T3 tiếp tục duy trì quan hệ yêu đương nhưng chị T3 không đồng ý. Bị cáo C hỏi tại sao lại chấm dứt mối quan hệ với C thì chị T3 trả lời là chị T3 yêu người đàn ông khác. Bị cáo C hỏi chị T3 là buổi sáng có tiếng người đàn ông trong nhà là ai, thì chị T3 trả lời: giữa C và chị T3 không còn gì với nhau nên chị T3 muốn làm gì thì kệ chị.

Nghe chị T3 trả lời như vậy, bị cáo C đã nảy sinh ý định giết chết chị T3 rồi tự sát nên bị cáo chạy ra bàn uống nước, tay phải cầm dao bầu, xé túi nilon và giấy cuốn bên ngoài, đến bên trái chị T3 cách khoảng 30cm, giơ dao lên đâm liên tiếp nhiều nhát vào người chị T3. Chị T3 kêu “*bác T8 ơi cứu cháu với*” và giơ tay đỡ nhưng vẫn bị C tiếp tục dùng dao đâm liên tiếp vào vùng ngực, bụng chị T3. Sau đó, bị cáo C dùng dao chính con dao đó đâm 03 nhát vào bụng mình để tự sát.

Bà Nguyễn Thị T8 sinh năm 1964 ở cạnh nhà nghe thấy tiếng chị T3 kêu cứu liền chạy sang nhà chị T3, thì nhìn thấy chị T3 ngồi trên ghế ở bàn ăn, ngực chảy nhiều máu và C ngồi ghế ở gần đầu bàn, C nói “*bác đi ra đi*”, chị T3 nói “*bác gọi xe cấp cứu cho cháu*”. Bà T8 chạy đi báo cho ông Nguyễn Đức T9 sinh năm 1964 là tổ trưởng tổ dân phố Đ1 đến.

Sau khi bà T8 đi ra ngoài, chị T3 đứng dậy lần, vịn vào phía đầu bàn ăn bên trong thì ngã ngửa ra nền nhà bất tỉnh. C cầm dao đến quỳ bên cạnh chị T3 rồi dùng dao đâm một nhát nữa vào bụng mình và gục mặt vào ngực chị T3. Ông Nguyễn Đức T9 đến nhà chị thấy thì thấy chị T3 nằm ngửa trên nền nhà máu chảy nhiều, còn bị cáo C quỳ bên cạnh, gục mặt lên ngực chị T3; ông T9 chạy sang gọi ông Vũ Văn B sinh năm 1975 ở đối diện nhà chị T3. Ông Bình đến nơi thì thấy chị T3 đang thở thoi thóp, bị cáo C đang gục mặt trên người chị T3 tay C vẫn cầm con dao, sau đó con dao ở tay C rơi ra; ông Bình nhặt con dao cho vào túi nilon để ở mặt bàn ăn. Ông T9 gọi xe cấp cứu và gọi điện thoại báo Công an thị trấn K. Khoảng 20 phút sau xe cứu thương đến, bác sỹ xác định chị T3 đã chết, bị cáo C được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện K, sau đó chuyển lên Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình cấp cứu.

Kết quả khám nghiệm tử thi chị Vũ Thị T3 thấy có 09 vết thương:

1. Ngực bên phải tương ứng xương sườn số 3 và sát xương ức có vết thủng da và tổ chức dưới da, mép sắc gọn, đầu dưới tù, đầu trên nhọn đo 5x2,1cm, khi khép mép da vết thương dài 5,6cm.

2. Ngực bên phải thẳng đường giữa vú, tương ứng khe liên sườn số 3, 4 có vết thủng da và tổ chức dưới da, mép sắc gọn, đầu trên tù, đầu dưới vuốt nhọn đo 4,5x2,1 cm, khi khép mép da vết thương dài 5cm.

3. Ngực bên trái tương ứng xương sườn số 3, 4 sát bên trái đường vú có vết thủng da và tổ chức dưới da, mép sắc gọn, đầu dưới tù, đầu trên nhọn đo 3,5x1,3cm, khi khép mép da vết thương dài 3,6cm.

4. Ngực bên trái tương ứng xương sườn số 8 xuống dưới có vết thủng da và tổ chức dưới da, mép sắc gọn, đầu trên tù, đầu dưới nhọn đo 6,5x2,2cm, khi khép mép da vết thương dài 7cm.

5. Trên đường trắng giữa bụng cách rốn 5cm có vết thủng da và tổ chức dưới da mép sắc gọn, đầu trên tù, đầu dưới nhọn đo 3,3x1,2cm, khi khép mép da vết thương dài 3,6cm.

6. Vùng bụng bên phải thẳng đường nách trước xuống có vết thủng da và tổ chức dưới da, mép sắc gọn, đầu trên tù, đầu dưới nhọn đo 3,3x1,2cm, khi khép mép da vết thương dài 3,6cm.

7. Vùng bụng bên trái ngang thắt lưng và thẳng đường nách giữa xuống có vết thủng da và tổ chức dưới da nằm ngang, đầu trước tù, đầu sau nhọn đo 4,5x1,8cm, khi khép mép da vết thương dài 5,1 cm.

8. Vùng khớp cổ tay phải có vết thương xuyên khớp, hướng từ sau về trước, ở mặt sau cổ tay vết thương mép sắc gọn, đầu ngoài tù, đầu trong nhọn, vết thương đo 4,8x2cm, khi khép mép da vết thương dài 5,5cm. Ở mặt trước cổ tay vết thương đo 3x1,4cm, khi khép mép da vết thương dài 3,5cm.

9. 1/3 trên mặt sau trong cẳng tay trái có vết đứt da nằm ngang, méo sắc gọn, đầu trong tù, đầu ngoài nhọn vết đo 3x1cm, khi khép mép da vết thương dài 3,3cm.

Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 52/PY-PC09 ngày 08/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: *“Các dấu hiệu chính qua giám định: Đa vết thương phần mềm vùng ngực, bụng và tay do vật sắc nhọn gây nên làm đứt sụn sườn 3,4 bên phải, đứt cơ liên sườn 4-5 bên phải, đứt sụn sườn 9 bên phải, đứt cơ liên sườn 5,6 cung trước bên trái, thủng bao màng tim, thủng tâm thất phải, thủng thùy giữa phổi phải, đứt mép ngoài thùy dưới phổi phải. Nguyên nhân chết chị Vũ Thị T3 chết do mất máu cấp”*.

Cáo trạng số 45/CT-VKSTB ngày 29/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã truy tố Phạm Văn C về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự.

Tại Đơn xin xét xử vắng mặt của bị cáo Phạm Văn C gửi cho Tòa án vào ngày 31/8/2021 thể hiện: hiện nay bị cáo còn rất yếu, vết thương do bị cáo gây ra vẫn đang bị nhiễm trùng và đang phải điều trị kháng sinh tại nhà, việc đi lại của bị cáo vẫn còn rất hạn chế, bị cáo phải nhờ bà Phạm Thị M hỗ trợ, chăm sóc nên không thể đến Tòa án để tham gia phiên tòa, bị cáo đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị cáo; bị cáo thừa nhận và nhất trí với toàn bộ hành vi và tội danh mà Viện kiểm sát truy tố.

- Tại phiên tòa, bà Trần Thị T4 và chị Nguyễn Thị T6 đều đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo C với mức án thật nghiêm khắc đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Trần Thị T4 và ông Vũ Văn T5 các khoản tiền sau:

- + Chi phí cho việc mai táng 36.216.000 đồng;
- + 12.000.000 đồng tiền thuê xe ô tô để chở gia đình ông T5, bà T4 từ Đắc Lắc về Thái Bình để tổ chức lễ tang cho chị T3.

- + Cấp dưỡng cho bà T4 và ông T5 mỗi tháng 2.000.000 đồng vì trước khi chết, mỗi tháng chị T3 đều gửi cho bố mẹ 2.000.000 đồng và ý nguyện của chị T3 là chị sẽ không đi lấy chồng nữa mà “ở vậy” trông nom phụng dưỡng bố mẹ suốt đời;

- + 30.000.000 đồng tiền thu nhập bị mất của bà T4 trong thời gian 15 tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng do bà T4 phải ở nhà để lo hương khói cho chị T3;

- + 74.500.000 đồng tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho bà T4 và ông T5, mỗi người tính bằng 25 tháng lương cơ sở.

Gia đình bị cáo C đã đến thắp hương cho chị T3 20.000.000 đồng khi gia đình tổ chức lễ tang, sau đó khi gia đình làm lễ 49 ngày và lễ 100 ngày cho chị T3 thì gia đình bị cáo có thắp hương cho chị T3 5.000.000 đồng.

Ý kiến của anh Đặng Văn K1 (chồng chị T3): anh và chị T3 ly thân với nhau 2 năm nay, anh không có ý kiến gì về mối quan hệ của chị T3 với bị cáo C cũng như với người khác. Anh không yêu cầu bị cáo bồi thường.

- Bà Phạm Thị M sinh năm 1965, địa chỉ: thôn Đ3, xã D, huyện T1, tỉnh Thái Bình là bác ruột của bị cáo C đồng thời là người bảo lãnh cho bị cáo trình bày: Hoàn cảnh của bị cáo C rất khó khăn, mẹ bị cáo chết từ khi bị cáo chưa tròn 11 tháng tuổi, bố bị cáo chết khi bị cáo khoảng 14, 15 tuổi, bị cáo phải sống cùng bà nội từ nhỏ; từ khi sự việc xảy ra bà Miên phải đưa bị cáo về nhà mình để chăm sóc bị cáo, nay vết thương của bị cáo vẫn bị nhiễm trùng nhưng do dịch bệnh nên bà mua kháng sinh để điều trị tại nhà cho bị cáo, việc đi lại sinh hoạt của bị cáo rất hạn chế nên không thể đến Tòa án được, bị cáo đã viết đơn đề nghị xét xử vắng mặt; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về việc bồi thường: bị cáo không có tài sản gì, số tiền gia đình bà thắp hương cho chị T3 là tiền do cô, dì, chú bác họ hàng của bị cáo tập trung vào cho bị cáo để bù đắp một phần tổn thất cho gia đình chị T3; nay bà không quyết định được vấn đề bồi thường theo yêu cầu của bà T4.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Về tội danh: tuyên bố bị cáo Phạm Văn C phạm tội “Giết người”.

+ Về hình phạt: áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Phạm Văn C 20 năm tù.

+ Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo Phạm Văn C phải bồi thường cho ông T5, bà T4 36.216.000 đồng tiền mai táng phí và 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng bù đắp tổn thất về tinh thần.

+ Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy công cụ phạm tội của bị cáo không còn giá trị sử dụng. Trả lại bị cáo tài sản không liên quan đến tội phạm. Trả lại gia đình bị hại các tài sản cá nhân của bị hại.

+ Về án phí: bị cáo phải chịu án phí Tòa án theo quy định.

- Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo (luật sư Phạm Hữu L):

+ Về tội danh: không có ý kiến gì;

+ Về hình phạt: bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, gia đình bị cáo đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả do bị cáo gây ra; bị cáo có thời gian tham gia quân đội nhân dân Việt Nam; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 123, Điều 38, các điểm b,s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt đến mức án dưới khung của điều luật quy định.

- Bà T4 và chị Thùy tranh luận và đều cho rằng, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt và mức bồi thường là không phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo mức án cao hơn nữa và xem xét chấp nhận các khoản bồi thường mà gia đình bà T4 đã yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:**

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng:

Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo:

Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo Phạm Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và tại Đơn xin xét xử vắng mặt, bị cáo thừa nhận hành

vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố; Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai những người làm chứng (là bà Nguyễn Thị T8 sinh năm 1964, ông Nguyễn Đức T9 sinh năm 1964, ông Vũ Văn B sinh năm 1975, ông Nguyễn Công I sinh năm 1963 đều ở địa chỉ: tổ dân phố Đ1, thị trấn K, huyện K, tỉnh Thái Bình; chị Phạm Thị L3, sinh năm 1980, địa chỉ tại: thôn Đ2, xã T7, huyện K, tỉnh Thái Bình) và phù hợp các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Báo cáo vụ việc ngày 25/02/2021 của Trưởng Công an thị trấn K, huyện K, tỉnh Thái Bình (Bút lục số 03);

- Biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ, bản ảnh hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K lập hồi 20 giờ 00 phút ngày 25/02/2021(Bút lục 37-42; 50-72);

- Biên bản khám nghiệm tử thi, bản ảnh tử thi do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K lập hồi 22 giờ 40 phút ngày 25/02/2021 (Bút lục số 06-07);

- Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 52/PY-PC09 ngày 08/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình (Bút lục số 10-28; 32-33);

- Biên bản quản lý đồ vật tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Thái Bình;

- Bản kết luận giám định số 1486/C09-TT3 ngày 31/3/2021 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an giám định dấu vết máu (ký hiệu mẫu M1 thu ở chân ghế số 02, Mẫu M3 thu ở chân sập); tinh dịch (ký hiệu mẫu A thu ở âm đạo chị T3); ADN trên con dao (ký hiệu mẫu D) (Bút lục số 80-81);

- Lời khai của những người làm chứng: Bà Nguyễn Thị T8 sinh năm 1964, địa chỉ tại tổ dân phố Đ1, thị trấn K, huyện K, tỉnh Thái Bình; ông Nguyễn Đức T9 sinh năm 1964, địa chỉ tại tổ dân phố Đ1, thị trấn K, huyện K, tỉnh Thái Bình; ông Vũ Văn B sinh năm 1975, địa chỉ tại tổ dân phố Đ1, thị trấn K, huyện K, tỉnh Thái Bình; ông Nguyễn Công I sinh năm 1963, địa chỉ tại tổ dân phố Đ1, thị trấn K, huyện K, tỉnh Thái Bình; Chị Phạm Thị L3, sinh năm 1980, địa chỉ tại: thôn Đ2, xã T7, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn để kết luận: chỉ vì bị chị Vũ Thị T3 từ chối, không đồng ý tiếp tục mối quan hệ tình cảm yêu đương với mình nên khoảng 19 giờ 30 phút ngày 25/02/2021, tại nhà ở của bố mẹ đẻ chị T3 (ông Vũ Văn T5 và bà Trần Thị T4) tại tổ dân phố Đ1, thị trấn K, huyện K, tỉnh Thái Bình, bị cáo Phạm Văn C đã nảy sinh ý định dùng dao đâm chết chị T3 rồi tự sát nên ngay lập tức đã cầm 01 con dao bầu là hung khí rất nguy hiểm đâm liên tiếp 09 nhát vào vùng ngực, bụng và tay chị Vũ Thị T3 làm chị T3 bị đứt sụn sườn 3,4 bên phải, đứt cơ liên sườn 4-5 bên phải, đứt sụn sườn 9 bên phải, đứt cơ liên sườn 5,6 cùng trước bên trái, thủng bao màng tim, thủng tâm thất phải, thủng thùy giữa phổi phải, đứt mép ngoài thùy dưới phổi phải. Hậu quả chị T3 bị chết tại chỗ

do mất máu cấp. Sau khi đâm chị T3, bị cáo đã dùng con dao bầu trên đâm nhiều nhát vào bụng mình để tự sát nhưng được mọi người đưa đi cấp cứu kịp thời nên không chết.

[3] Tội giết người quy định tại Điều 123 Bộ luật Hình sự như sau:

*“1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:*

- a) Giết 02 người trở lên;*
- b) Giết người dưới 16 tuổi;*
- c) Giết phụ nữ mà biết là có thai;*
- d) Giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân;*
- đ) Giết ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình;*
- e) Giết người mà liên trước đó hoặc ngay sau đó lại thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;*
- g) Để thực hiện hoặc che giấu tội phạm khác;*
- h) Để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân;*
- i) Thực hiện tội phạm một cách man rợ;*
- k) Bằng cách lợi dụng nghề nghiệp;*
- l) Bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người;*
- m) Thuê giết người hoặc giết người thuê;*
- n) Có tính chất côn đồ;*
- o) Có tổ chức;*
- p) Tái phạm nguy hiểm;*
- q) Vi động cơ đê hèn.*

*...”*

[4] Hành vi của bị cáo Phạm Văn C đã phạm tội “Giết người” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 như Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của điều luật này.

[5] Xét tính chất, mức độ, động cơ, mục đích của hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn C, Hội đồng xét xử thấy: Chỉ vì bị người yêu là chị Vũ Thị T3 chấm dứt quan hệ yêu đương, bị cáo đã thực hiện hành vi hết sức dã man, dùng dao bầu đâm nhiều nhát vào người chị T3 dẫn tới hậu quả chị T3 tử vong. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, có tính chất côn đồ; đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng của chị Vũ Thị T3, gây đau thương mất mát vô cùng to lớn cho gia đình chị, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an.

[6] Xét về nhân thân và về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Phạm Văn C, thấy: bị cáo là người có nhân thân xấu, năm 2008 đã bị Tòa án nhân dân quận H1, thành phố Hà Nội xử phạt 04 tháng 04 ngày tù về tội



Cướp giết tài sản; bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai nhận vi phạm tội, tỏ ra ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, người thân của bị cáo đã tự nguyện góp tiền để bù đắp một phần thiệt hại cho gia đình bị hại nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015

[7] Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt bị cáo với mức hình phạt tù cao nhất mà khung hình phạt quy định là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự, xét thấy:

- Yêu cầu của ông Vũ Văn T5 và bà Trần Thị T4 buộc bị cáo phải bồi thường khoản tiền chi phí hợp lý cho việc mai táng là 36.216.000 đồng và tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho ông T5 và bà T4 mỗi người 25 tháng lương cơ sở là phù hợp với quy định tại Điều 591 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị cáo phải bồi thường hai khoản tiền này cho ông T5, bà T4 nhưng được trừ vào số tiền 20.000.000 đồng mà người thân của bị cáo đã cho bị cáo để viếng đám ma chị T3.

- Các yêu cầu bồi thường khác gồm: 12.000.000 đồng tiền thuê xe ô tô để chở gia đình ông T5, bà T4 từ Đắc Lắc về Thái Bình để tổ chức lễ tang cho chị T3; 30.000.000 đồng tiền thu nhập bị mất của bà T4 trong thời gian bà T4 phải ở nhà để lo hương khói cho chị T3 không được pháp luật quy định nên không được chấp nhận; đối với yêu cầu cấp dưỡng cho bà T4 và ông T5 mỗi tháng 2.000.000 đồng cũng không được chấp nhận vì ông T5, bà T4 vẫn trong độ tuổi lao động, chị T3 không có nghĩa vụ cấp dưỡng ông T5, bà T4.

- Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đặng Văn Kiên là chồng chị T3 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh K1.

[10] Về xử lý vật chứng và tài sản có liên quan:

- Đối với 01 con dao bầu là công cụ mà bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với các tài sản khác mà cơ quan điều tra thu giữ gồm: 01 dao gọt hoa quả; 01 hộp cứng màu đỏ kích thước (8,5x8x5,5cm); 01 hộp kem dưỡng da mặt trên có ghi dòng chữ “LIFE LINH CHI NEW TODAY”; 02 chiếc giày thể thao nam nhãn hiệu QPAODAN cỡ 43; 01 áo khoác màu xanh; 01 áo trắng ngắn tay; 01 áo lót ngực màu đen; 01 chiếc ví dạng da màu nâu; 01 áo khoác màu đỏ; 01 áo phông màu đỏ không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động (màn hình cảm ứng màu trắng nhãn hiệu Vivo; 01 chiếc ví dạng da màu nâu; 01 thẻ ngân hàng Vietcombank; 01 thẻ ngân hàng BIDV số 9704 2377 7260 7808 cùng một mặt in dòng chữ Napas; 01 thẻ ngân hàng Viettinbank số 9704 1515 0588 0410 ; 01 thẻ số 9704 2377 7260 7808 có in dòng chữ TPB là tài sản, tài liệu thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bị cáo C cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu xanh nhãn hiệu Vivo là tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của chị Vũ Thị T3 cần trả lại cho mẹ đẻ chị T3 là bà Trần Thị T4.

- Đối với 01 xe mô tô BKS 30L-7985 màu đỏ-xám-đen nhãn hiệu HONDA và 01 đăng ký xe mô tô số 021528 mang tên Nguyễn Văn H2, HKTT tại 146 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội là tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn Văn H2, địa chỉ: số 146, đường N2, phường N2, quận L2, Thành phố Hà Nội – là chủ rở của bị cáo, ông H2 cho bị cáo mượn để làm phương tiện đi lại nên cần trả lại cho ông H2 theo yêu cầu của ông.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 4.535.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Tuyên bố bị cáo Phạm Văn C phạm tội “*Giết người*”

**2.** Hình phạt: Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn C 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

**3.** Về trách nhiệm dân sự:

- Bị cáo phải bồi thường cho ông T5, bà T4 36.216.000 đồng chi phí cho việc mai táng và 74.500.000 đồng bù đắp tổn thất về tinh thần nhưng được đối trừ đi 20.000.000 đồng; bị cáo còn phải bồi thường 90.716.000 đồng (*chín mươi triệu bảy trăm mười sáu nghìn đồng*).

- Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đặng Văn K1 là chồng chị T3 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh K1.

**4.** Về xử lý vật chứng và tài sản có liên quan:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 dao bầu; 01 dao gọt hoa quả, 01 hộp cứng màu đỏ kích thước (8,5x8x5,5cm), 01 hộp kem dưỡng da, 02 chiếc giày nhãn hiệu

QPAODAN, 01 áo khoác màu xanh, 01 áo trắng ngắn, 01 áo lót ngực màu đen, 01 chiếc ví dạng da màu nâu, 01 áo khoác màu đỏ, 01 áo phông màu đỏ, 01 phong bì niêm phong bằng giấy dán kín, mặt trước có dòng chữ “BỘ CÔNG AN; VIỆN HỌC HÌNH SỰ; Số: 1486/C09-TT3”. Phần dưới có dòng chữ: “Kính gửi: (mẫu vật hoàn lại sau GĐ). Mặt sau có 02 chữ viết, chữ ký ghi Bùi Anh tuần và 01 chữ viết, chữ ký ghi Phạm Ngọc Huỳnh. Tại các mép dán có 03 dấu tròn giáp lai của Viện khoa học hình sự Bộ Công an và 02 dấu tròn của Viện khoa học hình sự Bộ Công an.

- Trả lại bị cáo C 01 điện thoại di động (màn hình cảm ứng màu trắng nhãn hiệu Vivo), 01 chiếc ví dạng da màu nâu; 01 thẻ ngân hàng Vietcombank ghi PHAM VAN CUONG; 01 thẻ ngân hàng BIDV số 9704 2377 7260 7808 ghi PHAM VAN CUONG cùng một mặt in dòng chữ Napas; 01 thẻ ngân hàng Viettinbank số 9704 1515 0588 0410 ghi PHAM VAN CUONG; 01 thẻ số 9704 2377 7260 7808 có in dòng chữ TPB.

- Trả lại cho bà Trần Thị T4 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu xanh nhãn hiệu Vivo.

- Trả lại ông Nguyễn Văn H2 01 xe mô tô BKS 30L-7985 màu đỏ-xám-đen nhãn hiệu HONDA, 01 đăng ký xe mô tô số 021528 .

Vật chứng và các tài sản trên được quản lý tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình theo Biên bản giao nhận, bảo quản tang vật, tài sản thi hành án ngày 29/6/2021.

**5. Về án phí:** Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Phạm Văn C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 4.535.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**6. Về quyền kháng cáo:** bà T4 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 10/9/2021; bị cáo C, ông T5, anh K1, ông H2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

**Nơi nhận:**

- Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam Công an Thái Bình.
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.**

(đã ký)

**Nguyễn Thị Lan Anh**

